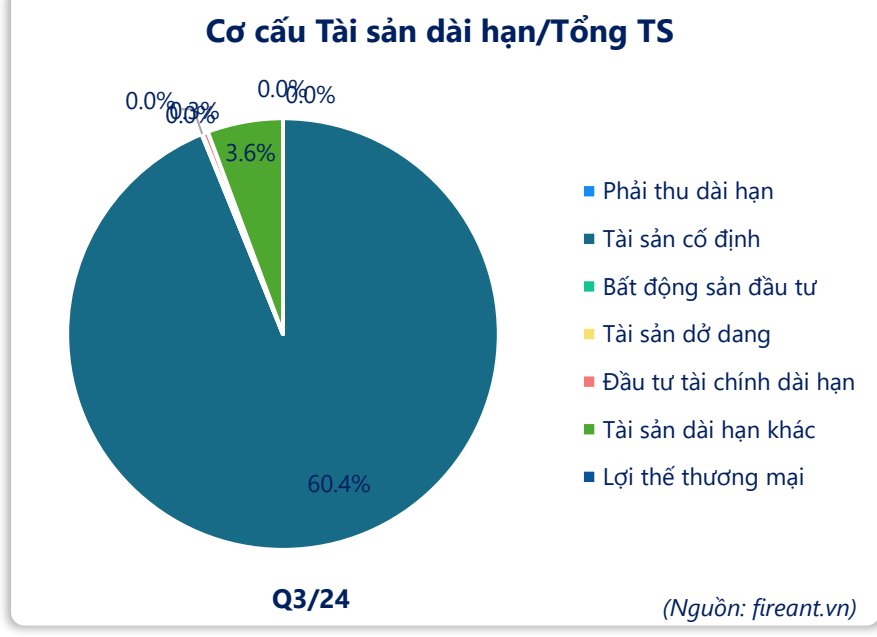
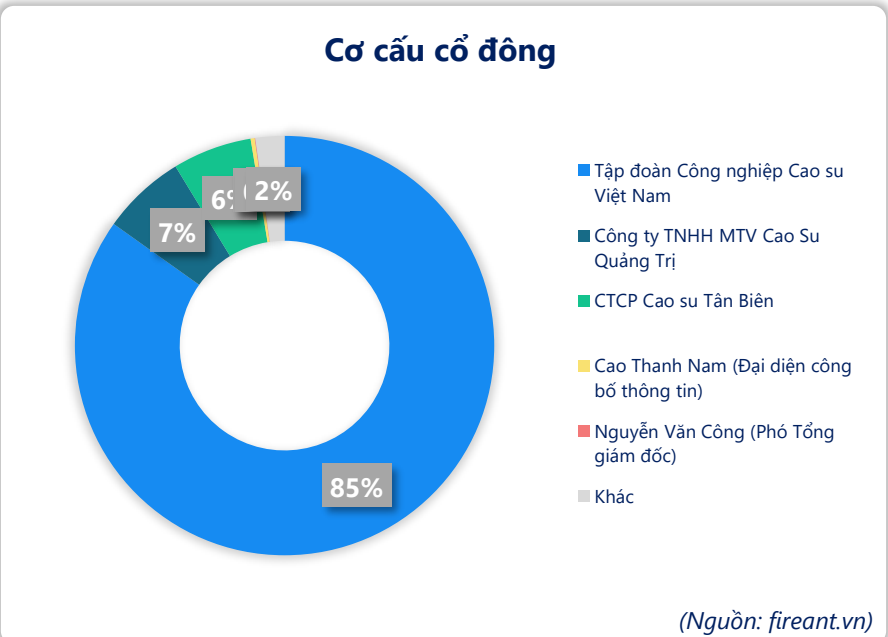
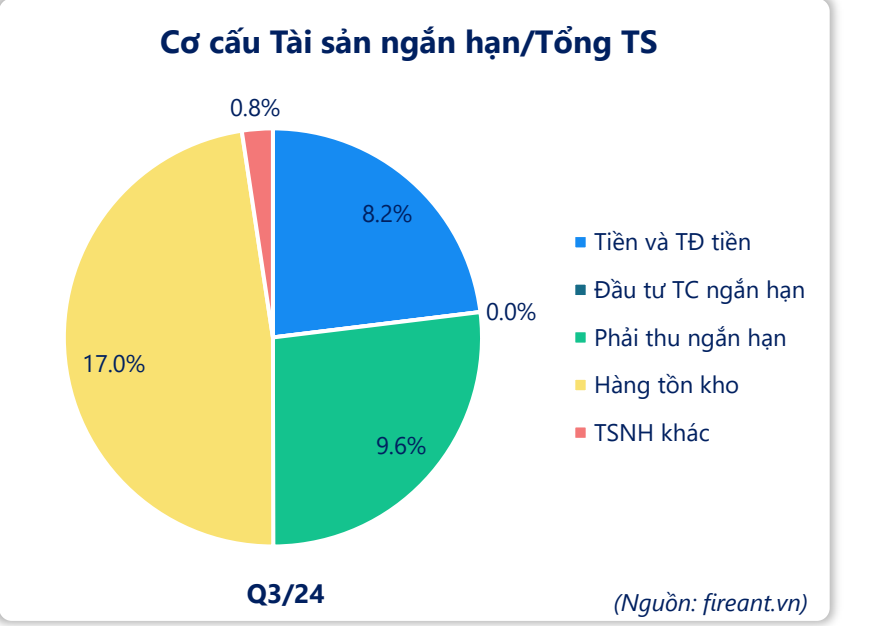
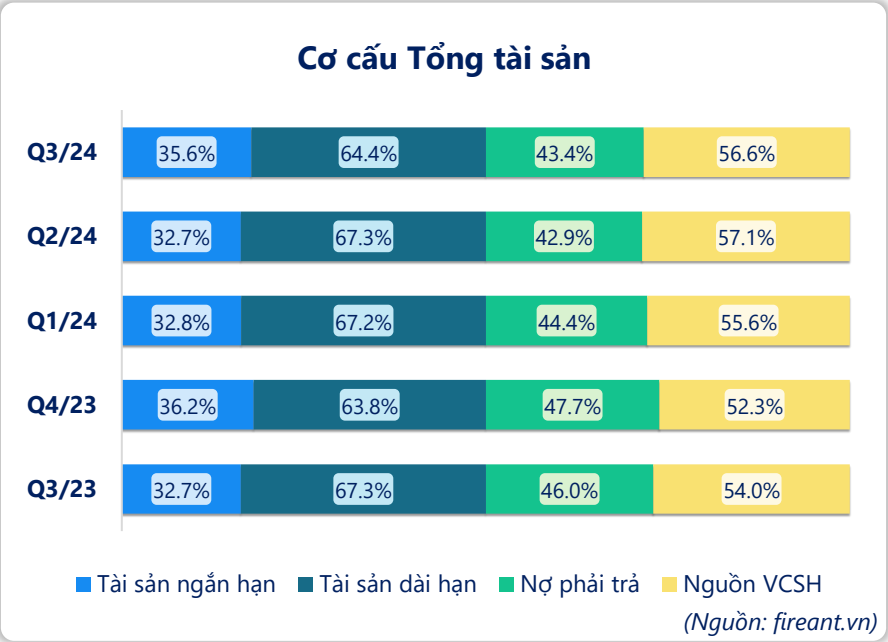
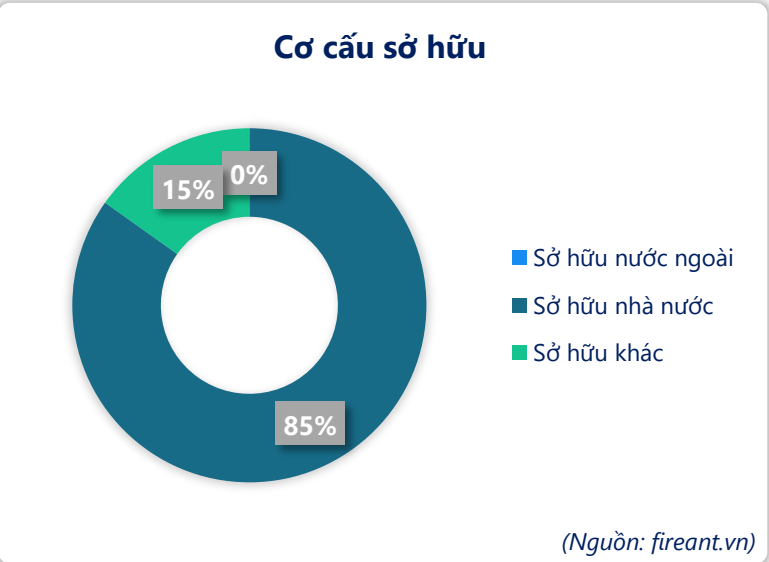
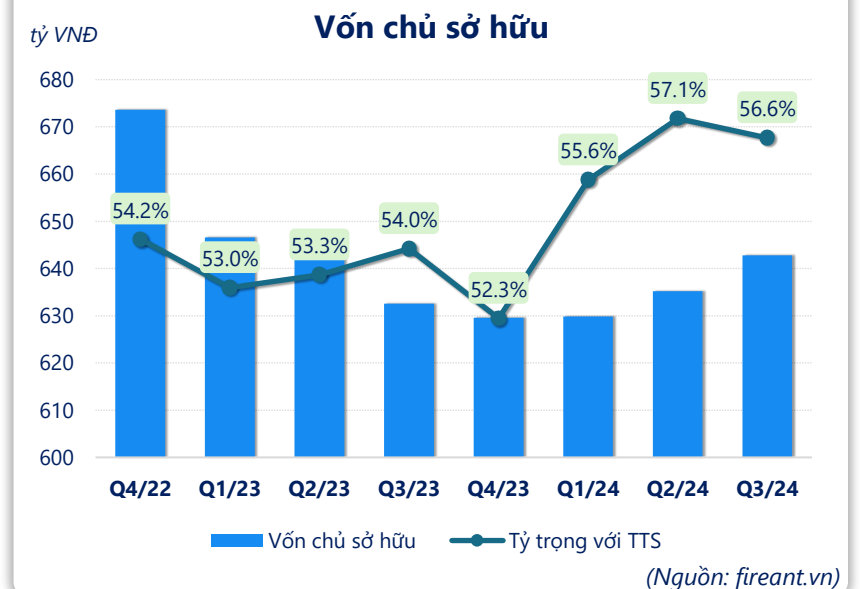
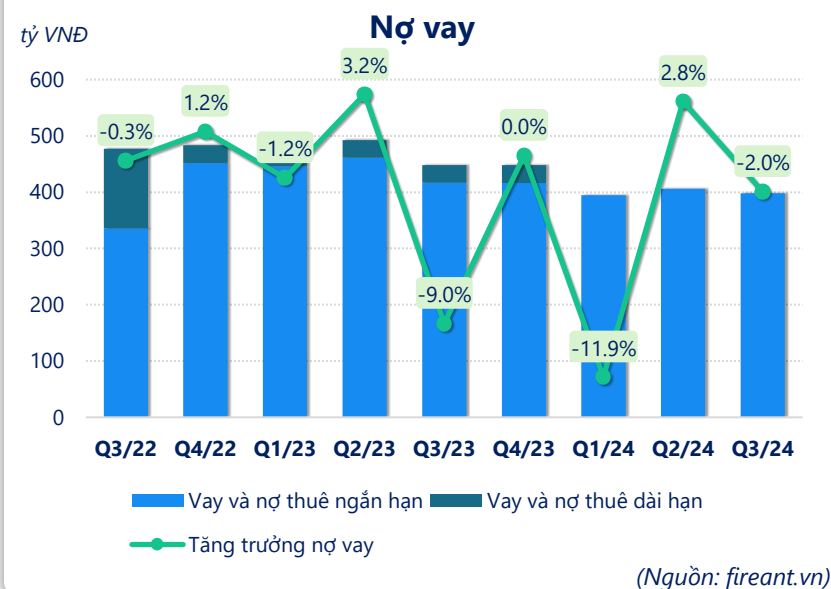
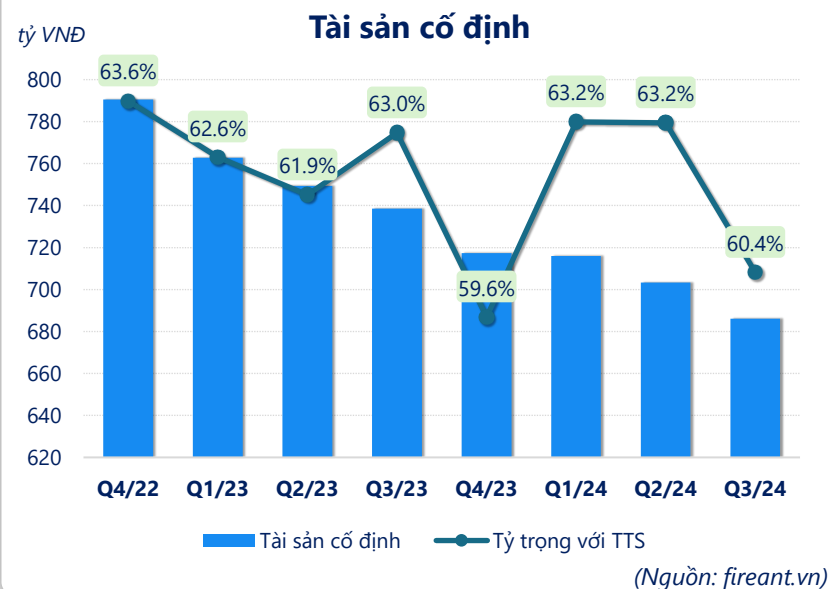
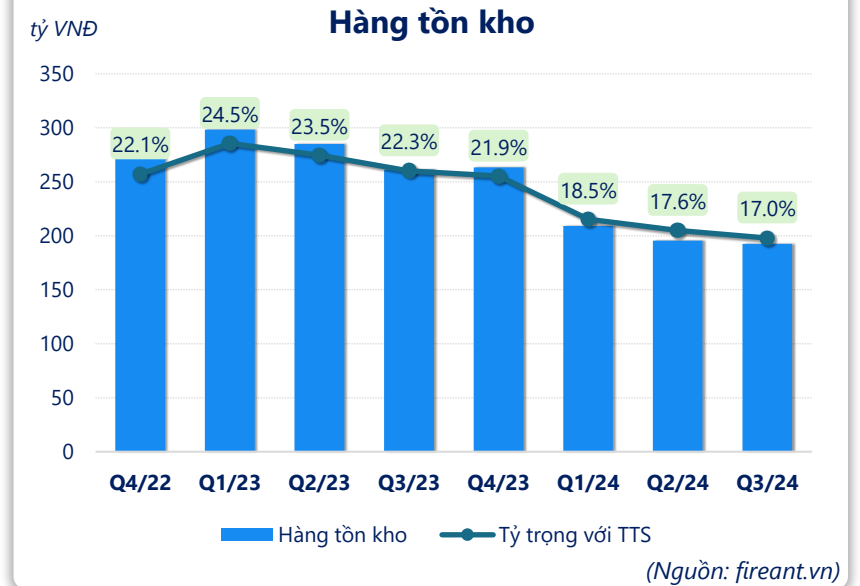
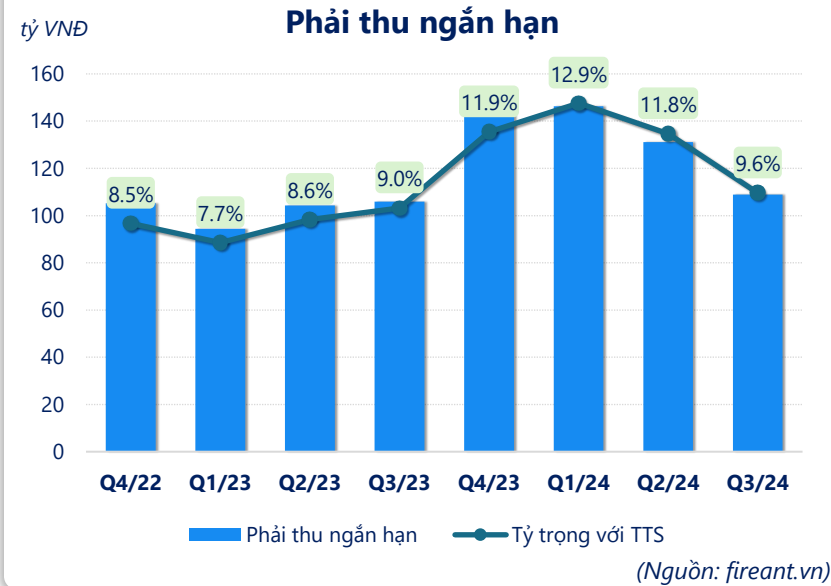
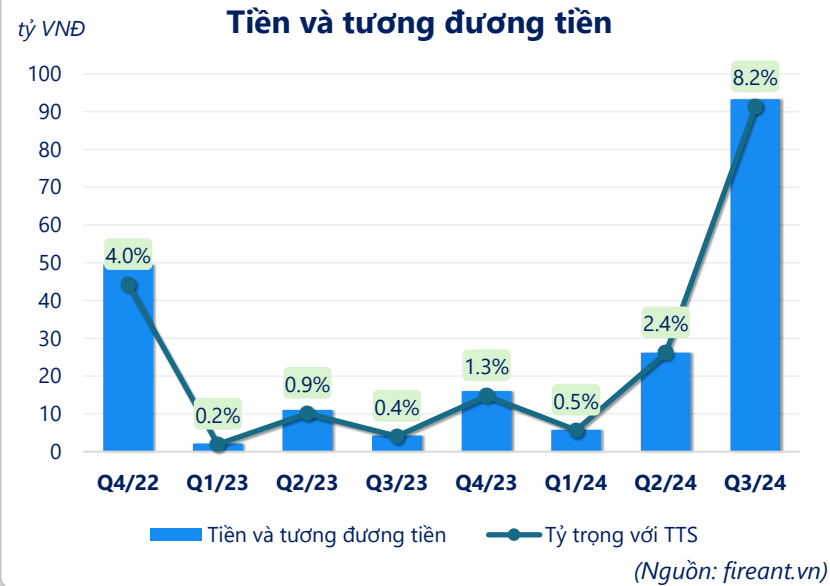
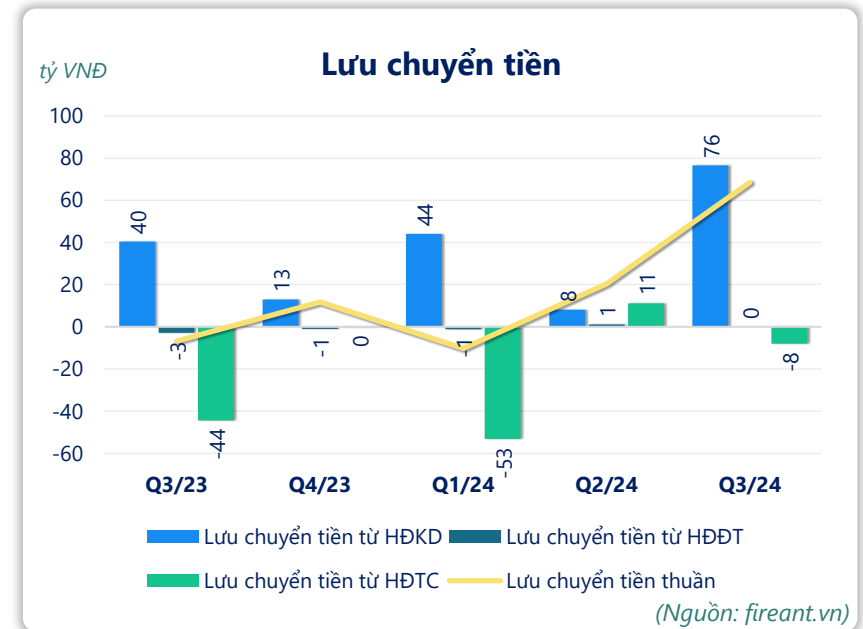
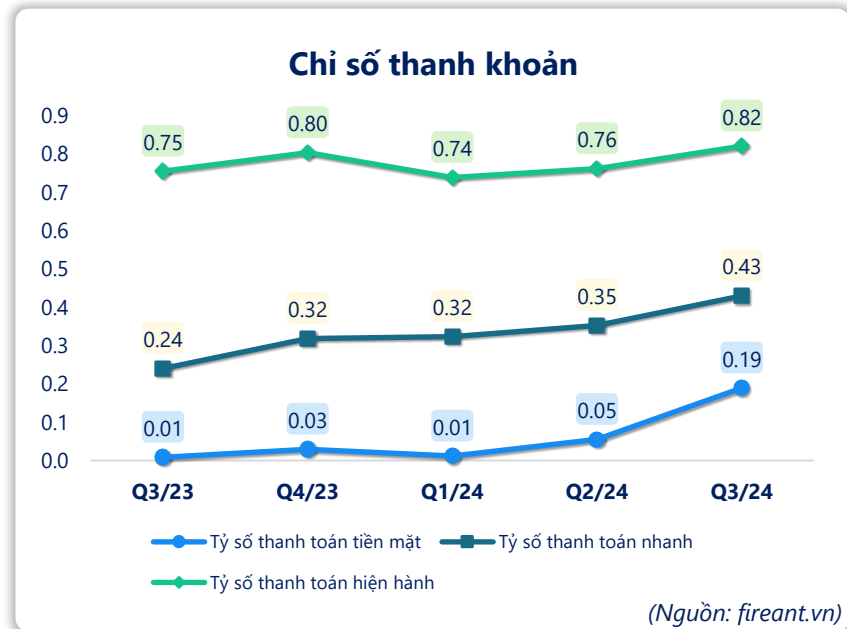
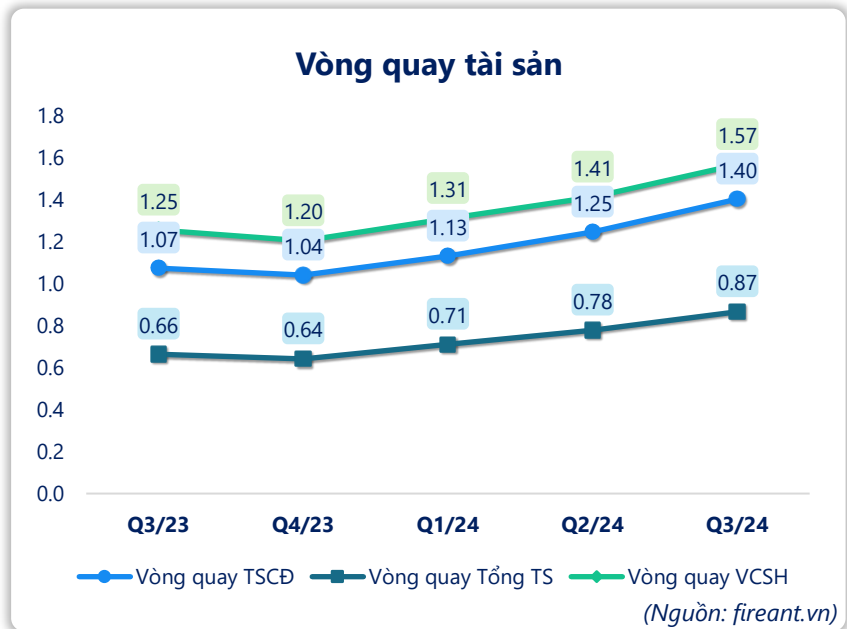
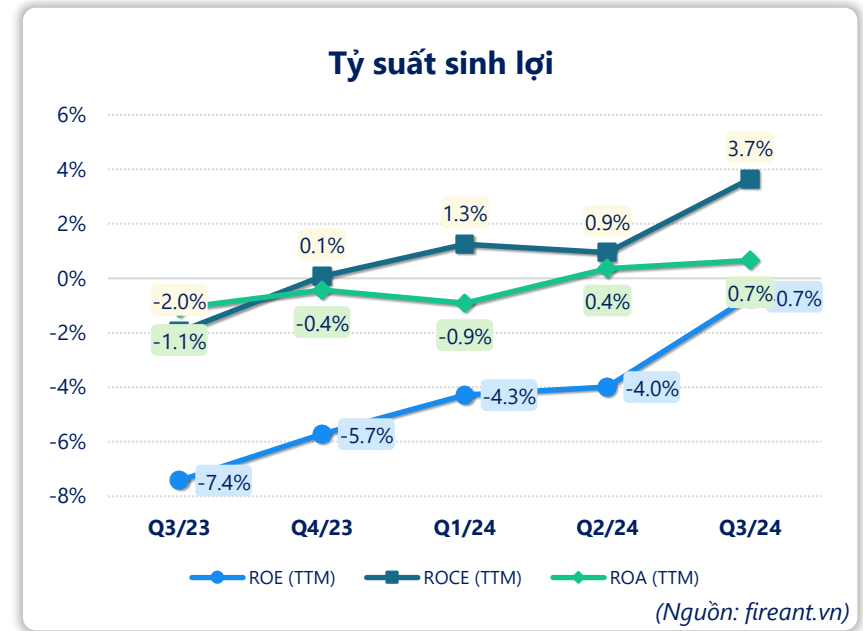
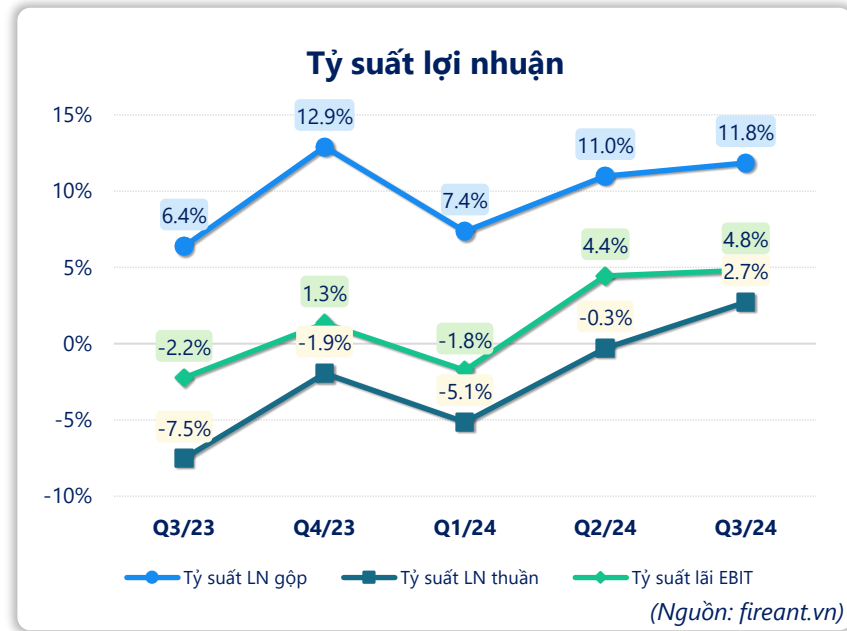
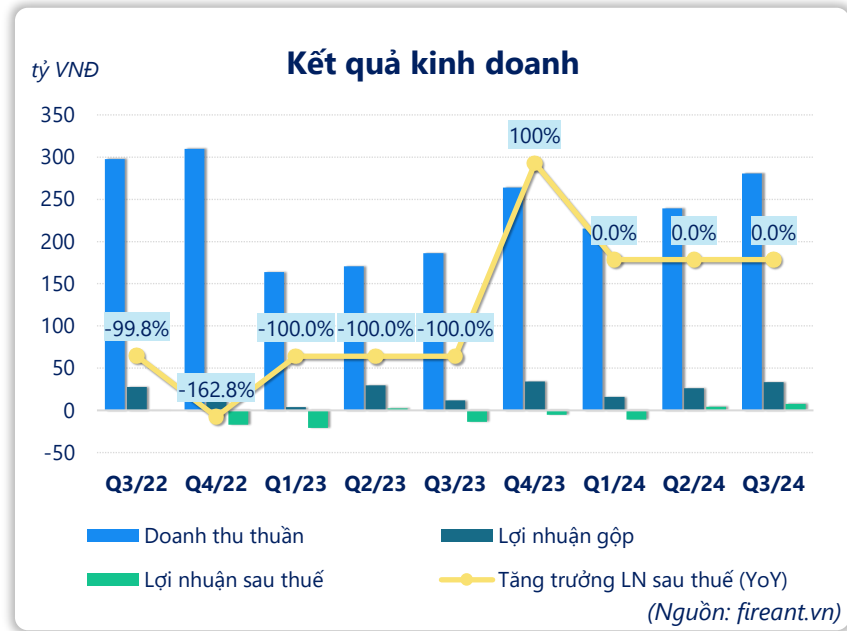


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
SL cổ phiếu LH		55,113,595
KLGD BQ 20 phiên (CP)		830
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		430
P/E		-99.7
EPS		-78

	YTD	1T	3T	6T
MDF	-18.8%	1.3%	-2.5%	-3.7%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,135	1,221	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	404	459	-11.9%
Tiền và tương đương tiền	93.3	16.0	482%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	109	159	-31.7%
Hàng tồn kho	193	270	-28.6%
Tài sản ngắn hạn khác	9.64	13.9	-30.7%
Tài sản dài hạn	731	762	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	686	717	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.53	0.33	58.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	41.4	41.2	0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	493	580	-15.1%
Nợ ngắn hạn	493	580	-15.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	398	448	-11.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.6	106	-54.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	643	641	0.3%
Vốn chủ sở hữu	643	641	0.3%
Vốn điều lệ	551	551	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	186	264	215	239	281
Giá vốn hàng bán	174	230	199	213	247
Lợi nhuận gộp	11.9	34.1	15.9	26.3	33.2
Doanh thu HĐTC	1.23	0.64	1.36	1.50	0.14
Chi phí TC	9.52	9.03	7.04	6.58	7.78
Chi phí lãi vay	9.50	8.83	6.97	6.48	5.91
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.4	26.3	17.8	17.5	14.8
Chi phí QLDN	3.17	4.48	3.46	4.42	3.19
LN thuần từ HĐKD	-14.0	-5.14	-11.1	-0.71	7.65
Lợi nhuận khác	0.35	-0.18	0.31	4.84	-0.03
LN trước thuế	-13.7	-5.31	-10.7	4.13	7.61
Lợi nhuận sau thuế	-13.7	-5.31	-10.7	4.13	7.61
LNST của CĐ cty mẹ	-13.7	-5.31	-10.7	4.13	7.61

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.4	13.0	44.0	8.16	76.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.80	-1.07	-1.11	1.08	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.3	-0.19	-53.1	11.2	-8.01
Tiền đầu kỳ	11.1	4.30	16.0	5.80	26.2
Lưu chuyển tiền thuần	-6.75	11.7	-10.2	20.4	68.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	-1.39
Tiền cuối kỳ	4.30	16.0	5.80	26.2	93.3

(Nguồn: fireant.vn)